本教材をお使いになる方へ
SỬ DỤNG GIÁO TRÌNH NHƯ THẾ NÀO

『オンライン日本語 N5 コース』は、日本語能力試験 N5 レベルの会話・語彙・表現・文法を学習する e ラーニング教材です。映像や音声による日本語能力試験の勉強を通して、日本語のコミュニケーション能力を身につけることができます。

この教材は日本語を母国語としない人を対象にしています。漢字に馴染みが無い国の方でも勉強ができるように、第 1 課から第 3 課はすべての日本語にローマ字を表記し、すべての課の例文にはベトナム語を併記しています。また、ナレーション全てにベトナム語字幕を表示しているので、日本語学習が初めての方でも、気軽に勉強ができる教材となっております。

"Tiếng Nhật trực tuyến Khóa học N5", đây là giáo trình học trực tuyến học về ngữ pháp, các diễn đạt, từ vựng và hội thoại ở cấp độ N5 của kỳ thi năng lực Nhật Ngữ. Thông qua việc học thi năng lực nhật ngữ bằng âm thanh và hình ảnh, các bạn có thể nắm được năng lực giao tiếp tiếng Nhật.

Tài liệu học này dành cho người học có tiếng mẹ đẻ không phải là tiếng Nhật. Để người học ở những nước không dùng chữ Kanji cũng có thể học được, từ bài 1 đến bài 3 có phiên âm chữ Romanji, tất cả các câu ví dụ của các bài đều có phụ đề tiếng Việt. Hơn nữa, tất cả lời giải thích đều có phụ đề tiếng Việt nên ngay cả người mới bắt đầu học tiếng Nhật lần đầu tiên cũng có thể học một cách thoải mái.

１.構成 Cấu trúc

この教材は、映像、PDF テキスト、N5 文法リスト、N5 語彙リストがあります。
『オンライン日本語Ｎ５コース』は全部で 15 課で構成されています。

Tài liệu học này bao gồm: hình ảnh, file giáo trình PDF, danh sách ngữ pháp N5, danh sách từ vựng N5.
" Tiếng Nhật trực tuyến Khóa học N5" bao gồm tất cả 15 bài.

2.映像内容 Nội dung Video.

1)目標 Mục tiêu

その課で何を学習するのか、またその課の勉強を通して、何ができるようになるのかが分かります。

Biết được trong bài đó học nội dung gì, thông qua bài học đó có thể đạt được những điều gì.

2)会話 Hội thoại
日本でのさまざまな日常生活のシーンを見せます。日本で生活する外国人が登場し、日本人と交流する際の会話を学習内容としてあげていきます。

Bạn có thể thấy được rất nhiều cảnh trong cuộc sống hàng ngày của Nhật Bản. Có nhiều nội dung hội thoại giữa người nước ngoài sống ở Nhật Bản với người Nhật.

3)語彙 Từ vựng
会話内で出てくる新しい単語やその関連単語を紹介します。また、キーワードについて、詳しく説明し、そのキーワードの使い方と応用の例文を紹介します。一部の語彙は N5 レベルではありませんが、関連語彙として一緒に覚えておいたほうがよいものは、語彙表に入れております。
Giới thiệu những từ vựng xuất hiện trong hội thoại và những từ liên quan. Mặt khác, giải thích rất chi tiết các từ khóa, giải thích cách sử dụng của các từ khóa đó và giới thiệu các ví dụ mẫu để ứng dụng. Có một số từ vựng không phải của cấp độ N5 nhưng đây là những từ nên nhớ kèm như là những từ vựng liên quan thì sẽ được đưa vào bảng từ vựng.

4)表現 Các diễn đạt
その課の会話で出てくる日常生活でよく使われる挨拶などの慣用表現です。
表現は N5 レベルとは限らず、実際の生活で自然なコミュニケーションが取れることを重視しています。

Là các diễn đạt quán dụng chẳng hạn như những chào hỏi hay được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày xuất hiện trong hội thoại của bài đó. Ở phần các diễn đạt, không chỉ dừng lại ở các diễn đạt ở cấp độ N5 mà còn chú trọng vào việc giao tiếp tự nhiên trong cuộc sống hàng ngày.

5)文法 Ngữ pháp
その課で学ぶ基本文法をあげてあります。日本語能力試験 N5 レベルの文法項目です。文型の使い方を詳しく解説し、いくつかの例文をあげて、基本文型が実際どのように使われているのかがわかるようになっています。さらに、文法項目ごとに練習問題を設置しており、学習者はその文法をしっかり理解することができます。

Đưa ra những điểm ngữ pháp học trong bài. Là những điểm ngữ pháp cấp độ N5 của kỳ thi năng lực Nhật ngữ. Giải thích rất chi tiết cách sử dụng của cấu trúc, đưa ra một vài ví dụ nên các bạn sẽ hiểu được các cấu trúc cơ bản đó được sử dụng như thế nào trong thực tế. Hơn nữa, có thiết lập bài tập luyện tập cho các điểm ngữ pháp nên người học có thể nắm rất chắc các điểm ngữ pháp đó.

6)まとめ **Kết luận**

語彙、表現、文法の勉強が一通り終えたら、もう一度会話の映像を字幕なしで視聴します。すでに学習した語彙、文法、表現の理解度を確認できます。また、リスニングの練習にもなります。

Sau khi học xong từ vựng, các diễn đạt, ngữ pháp, các bạn sẽ xem đoạn hội thoại một lần nữa mà không có phụ đề. Bạn có thể kiểm tra khả năng lý giải của mình về từ vựng, ngữ pháp, các diễn đạt đã học. Hơn nữa, đây cũng là cách luyện tập nghe.

3. PDF テキスト Giáo trình file PDF

PDF テキストは　学習者用テキストブックとだと思ってください。予習・復習・練習に活用できます。 PDF テキストは受講前にプリントして、映像教材とあわせて使用することをお勧めします。
また、講座内容以外でいくつかの課には付録も付属し、日常生活でよく使うさまざま種類の語彙が載せてあります。
Giáo trình PDF, các bạn hãy nghĩ đó là sách giáo trình dành cho người học. Giáo trình này sẽ được sử dụng để soạn bài, ôn tập và luyện tập. Các bạn nên in giáo trình PDF trước khi học, sử dụng cùng với giáo trình video.
Mặt khác, ở đây còn có đính kèm phụ lục của các bài ngoài nội dung giảng, gồm rất nhiều từ vựng hay sử dụng trong cuộc sống hàng ngày.

4.学習項目リスト Danh sách các mục nội dung sẽ học

この教材の学習項目をリストに整理しました。文法リストと語彙リストです。　レッスンの内容がわかるようになっています。

Ở đây đã điều chỉnh các mục nội dung học. Đây là danh sách ngữ pháp và danh sách từ vựng. Các bạn sẽ biết rất rõ về nội dung của các bài.

5.表記 Biểu ký

『オンライン日本語 N5 コース』は漢字に馴染みが無い国の方でも勉強ができるように、第 1 課から第 3 課までは、ひらがな・カタカナとローマ字だけの表記になってい

ます。第 4 課から第 6 課までは　ひらがな・カタカナの表記になっています。第 7 課以降は漢字を導入し、すべての漢字に振り仮名をつけています。

ローマ字の表記は基本的にヘボン式ですが、日本語初心者に対して日本語の発音がわかりやすくように、ローマ字表記に以下のルールを適用しています。

"Tiếng Nhật trực tuyến　Khóa học N5", để người học ở các nước không sử dụng chữ Kanji cũng có thể học được thì từ bài 1 đến bài 3 được viết bằng chữ Hiragana, Katakana và Romanji. Từ bài 4 đến bài 6 viết bằng Hiragana và Katakana. Từ bài 7 trở đi sẽ bắt đầu đưa Kanji vào và tất cả chữ Kanji đều có phiên âm kana ở trên.

Cách viết chữ Romanji là cách phiên âm cơ bản để giúp cho những người học tiếng Nhật lần đầu tiên dễ hiểu hơn về phát âm của tiếng Nhật, và cách viết Romanji sẽ sử dụng các nguyên tắc dưới đây.

①長音のローマ字の表記

１）あ、い、う段の長音は　a,i,u を二回表記する
　　例：おかあさん　okaasan　　いいえ　iie

２）え段の長音は　e を二回表記する
例：えいが　eega
お段の長音は　o を二回表記する
例：がっこう　gakkoo　　こうこう　kookoo

３）カタカナとひらがなの長音は全部同じ書き方です。
例：　カード　kaado　　おかあさん　okaasan

①　Cách viết trường âm của chữ Romanji.

１）Trường âm của các hàng　あ、い、う　thì viết gấp đôi âm a,i,u.
Ví dụ：おかあさん　okaasan　　いいえ　iie

２）Đối với hàng　え　thì gấp đôi âm e.
Ví dụ：えいが　eega

Đối với hàng　お　thì gấp đôi o
Ví dụ：がっこう　gakkoo　　こうこう　kookoo

３）Cách viết trường âm trong Hiragana và katakana là như nhau.
Ví dụ：　カード　kaado　　おかあさん　okaasan

②んの表記

b,m,p の前に、n の変わりに m を置く
なんば　namba　ほんま　homma

③人名、地名はヘボン式で書く
あんどう　ando　　キム　kim　　おおさか　osaka

②　Cách viết của ん
Nếu đứng trước b,m,p thì n sẽ chuyển thành m.
なんば　namba　ほんま　homma

③ Tên của người và các địa danh được viết bằng Romanji.
あんどう　Ando　　キム　Kim　　おおさか　Oosaka

６.品詞リストと活用形

Bảng danh sách các Từ loại và thể hoạt dụng.

日本語 Japanese	ベトナム語　Tiếng Việt	Abbreviation
名詞	Danh từ	n.
代名詞	Đại từ	pron.
動詞	Động từ	v.
グループ 1 動詞	Động từ nhóm 1	G1
グループ 2 動詞	Động từ nhóm 2	G2
グループ 3 動詞	Động từ nhóm 3	G3
い形容詞	Tính từ đuôi い	いーadj.
な形容詞	Tính từ đuôi な	なーadj.
副詞	Phó từ	adv.
助数詞	Số đếm	counters
感動詞	Từ cảm thán	interj.
疑問詞	Từ để hỏi	interr.
助詞	Trợ từ	particle
活用形	Thể hoạt dụng	
丁寧体	Thể lịch sự	
普通体	Thể thông thường	

丁寧形	Thể kịch sự	
普通形	Thể thông thường	
辞書形	Thể từ điển	
ます形	Thể ます	
て形	Thể て	
ない形	Thể ない	
た形	Thể た	
文型	Mẫu câu	

接続の示し方　　Cách viết khi kết nối trong cấu trúc

ます＝V[ます-form]ます
例：　行きます。　　行き＝ ます-form

ない＝V[ない-form]ない
例：　行かない　　行か＝ ない-form

て＝　V[て-form]
例：　V[て-form]ください。
　　食べてください。

た＝　V[た-form]
例：　V[た-form]ほうがいいです。
　　帰ったほうがいいです。

ます＝V[ます-form]ます
Ví dụ：　行きます。　　行き＝ ます-form

ない＝V[ない-form]ない
Ví dụ：　行かない　　行か＝ ない-form

て＝　V[て-form]
Ví dụ：　V[て-form]ください。
　　食べてください。

た＝　V[た-form]
Ví dụ：　V[た-form]ほうがいいです。
　　帰ったほうがいいです。